

# MỤC LỤC BỘ LUẬT HÌNH SỰ 2015

## **1 Phần thứ nhất. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **2 Chương I. ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN**

**2.1 Điều 1. Nhiệm vụ của Bộ luật hình sự**

**2.2 Điều 2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự**

**2.3 Điều 3. Nguyên tắc xử lý**

**2.4 Điều 4. Trách nhiệm phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm**

### **3 Chương II. HIỆU LỰC CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

**3.1 Điều 5. Hiệu lực của Bộ luật hình sự đối với những hành vi phạm tội trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**3.2 Điều 6. Hiệu lực của Bộ luật hình sự đối với những hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

**3.3 Điều 7. Hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian**

### **4 Chương III. TỘI PHẠM**

**4.1 Điều 8. Khái niệm tội phạm**

**4.2 Điều 9. Phân loại tội phạm**

**4.5 Điều 10. Cố ý phạm tội**

**4.6 Điều 11. Vô ý phạm tội**

**4.7 Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự**

**4.8 Điều 13. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác**

**4.9 Điều 14. Chuẩn bị phạm tội**

**4.10 Điều 15. Phạm tội chưa đạt**

**4.11 Điều 16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội**

**4.12 Điều 17. Đồng phạm**

**4.13 Điều 18. Che giấu tội phạm**

**4.14 Điều 19. Không tố giác tội phạm**

### **5 Chương IV. NHỮNG TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

**5.1 Điều 20. Sự kiện bất ngờ**

**5.2 Điều 21. Tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự**

**5.3 Điều 22. Phòng vệ chính đáng**

**5.4 Điều 23. Tình thế cấp thiết**

**5.5 Điều 24. Gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội**

**5.6 Điều 25. Rủi ro trong nghiên cứu, thử nghiệm, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ**

**5.7 Điều 26. Thi hành mệnh lệnh của người chỉ huy hoặc của cấp trên**

### **6 Chương V. THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ, MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

**6.1 Điều 27. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự**

**6.2 Điều 28. Không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự**

**6.3 Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự**

### **7 Chương VI. HÌNH PHẠT**

**7.1 Điều 30. Khái niệm hình phạt**

**7.2 Điều 31. Mục đích của hình phạt**

**7.3 Điều 32. Các hình phạt đối với người phạm tội**

**7.4 Điều 33. Các hình phạt đối với pháp nhân phạm tội**

**7.5 Điều 34. Cảnh cáo**

**7.6 Điều 35. Phạt tiền**

**7.7 Điều 36. Cải tạo không giam giữ**

**7.8 Điều 37. Trục xuất**

**7.9 Điều 38. Tù có thời hạn**

**7.10 Điều 39. Tù chung thân**

**7.11 Điều 40. Tử hình**

**7.12 Điều 41. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định**

**7.13 Điều 42. Cấm cư trú**

**7.14 Điều 43. Quản chế**



[7.15 Điều 44. Tước một số quyền công dân](#)

[7.16 Điều 45. Tịch thu tài sản](#)

## **8 Chương VII. CÁC BIỆN PHÁP TƯ PHÁP**

[8.1 Điều 46. Các biện pháp tư pháp](#)

[8.2 Điều 47. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm](#)

[8.3 Điều 48. Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi](#)

[8.4 Điều 49. Bắt buộc chữa bệnh](#)

## **9 Chương VIII. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT**

### **10 Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT**

[10.1 Điều 50. Căn cứ quyết định hình phạt](#)

[10.2 Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự](#)

[10.3 Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự](#)

[10.4 Điều 53. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm](#)

### **11 Mục 2. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ**

[11.1 Điều 54. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng](#)

[11.2 Điều 55. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội](#)

[11.3 Điều 56. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án](#)

[11.4 Điều 57. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt](#)

[11.5 Điều 58. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm](#)

[11.6 Điều 59. Miễn hình phạt](#)

## **12 Chương IX. THỜI HIỆU THI HÀNH BẢN ÁN, MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT, GIẢM THỜI HẠN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT**

[12.1 Điều 60. Thời hiệu thi hành bản án](#)

[12.2 Điều 61. Không áp dụng thời hiệu thi hành bản án](#)

[12.3 Điều 62. Miễn chấp hành hình phạt](#)

[12.4 Điều 63. Giảm mức hình phạt đã tuyên](#)

[12.5 Điều 64. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt](#)

[12.6 Điều 65. Án treo](#)

[12.7 Điều 66. Tha tù trước thời hạn có điều kiện](#)

[12.8 Điều 67. Hoãn chấp hành hình phạt tù](#)

[12.9 Điều 68. Tam đình chỉ chấp hành hình phạt tù](#)

## **13 Chương X. XÓA ÁN TÍCH**

[13.1 Điều 69. Xóa án tích](#)

[13.2 Điều 70. Đương nhiên được xóa án tích](#)

[13.3 Điều 71. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án](#)

[13.4 Điều 72. Xóa án tích trong trường hợp đặc biệt](#)

[13.5 Điều 73. Cách tính thời hạn để xóa án tích](#)

## **14 Chương XI. NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN PHẠM TỘI**

[14.1 Điều 74. Áp dụng quy định của Bộ luật hình sự đối với pháp nhân phạm tội](#)

[14.2 Điều 75. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân](#)

[14.3 Điều 76. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân](#)

[14.4 Điều 77. Phạt tiền](#)

[14.5 Điều 78. Đình chỉ hoạt động có thời hạn](#)

[14.6 Điều 79. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn](#)

[14.7 Điều 80. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định](#)

[14.8 Điều 81. Cấm huy động vốn](#)

[14.9 Điều 82. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân phạm tội](#)

[14.10 Điều 83. Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội](#)

[14.11 Điều 84. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân](#)

[14.12 Điều 85. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân](#)

[14.13 Điều 86. Quyết định hình phạt trong trường hợp pháp nhân phạm nhiều tội](#)

[14.14 Điều 87. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án](#)

[14.15 Điều 88. Miễn hình phạt](#)



14.16 Điều 89. Xóa án tích

**15 Chương XII. NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI**

**16 Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ XỬ LÝ HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI**

16.1 Điều 90. Áp dụng Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

16.2 Điều 91. Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

**17 Mục 2. CÁC BIỆN PHÁP GIÁM SÁT, GIÁO DỤC ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ**

17.1 Điều 92. Điều kiện áp dụng

17.2 Điều 93. Khiên trách

17.3 Điều 94. Hoà giải tại cộng đồng

17.4 Điều 95. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn

**18 Mục 3. BIỆN PHÁP TƯ PHÁP GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG GIÁO DƯỠNG**

18.1 Điều 96. Giáo dục tại trường giáo dưỡng

18.2 Điều 97. Chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng

**19 Mục 4. HÌNH PHẠT**

19.1 Điều 98. Các hình phạt được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

19.2 Điều 99. Phạt tiền

19.3 Điều 100. Cải tạo không giam giữ

19.4 Điều 101. Tù có thời hạn

**20 Mục 5. QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT, TỔNG HỢP HÌNH PHẠT, MIỄN GIẢM HÌNH PHẠT, XÓA ÁN TÍCH**

20.1 Điều 102. Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

20.2 Điều 103. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

20.3 Điều 104. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

20.4 Điều 105. Giảm mức hình phạt đã tuyên

20.5 Điều 106. Tha tù trước hạn có điều kiện

20.6 Điều 107. Xóa án tích

**21 Phần thứ hai. CÁC TỘI PHẠM**

**22 Chương XIII. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN NINH QUỐC GIA**

22.1 Điều 108. Tội phản bội Tổ quốc

22.2 Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân

22.3 Điều 110. Tội gián điệp

22.4 Điều 111. Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ

22.5 Điều 112. Tội bạo loạn

22.6 Điều 113. Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân

22.7 Điều 114. Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

22.8 Điều 115. Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội

22.9 Điều 116. Tội phá hoại chính sách đoàn kết

22.10 Điều 117. Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

22.11 Điều 118. Tội phá rối an ninh

22.12 Điều 119. Tội chống phá cơ sở giam giữ

22.13 Điều 120. Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân

22.14 Điều 121. Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân

22.15 Điều 122. Hình phạt bổ sung

**23 Chương XIV. CÁC TỘI XÂM PHẠM TÍNH MẠNG, SỨC KHỎE, NHÂN PHẨM, DANH DỰ CỦA CON NGƯỜI**

23.1 Điều 123. Tội giết người

23.2 Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

23.3 Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

23.4 Điều 126. Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội

[23.5 Điều 127. Tội làm chết người trong khi thi hành công vụ](#)

[23.6 Điều 128. Tội vô ý làm chết người](#)

[23.7 Điều 129. Tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính](#)

[23.8 Điều 130. Tội bức tử](#)

[23.9 Điều 131. Tội xúi giục hoặc giúp người khác tự sát](#)

[23.10 Điều 132. Tội không cứu giúp người đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng](#)

[23.11 Điều 133. Tội đe dọa giết người](#)

[23.12 Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác](#)

[23.13 Điều 135. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh](#)

[23.14 Điều 136. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội](#)

[23.15 Điều 137. Tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ](#)

[23.16 Điều 138. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác](#)

[23.17 Điều 139. Tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính](#)

[23.18 Điều 140. Tội hành hạ người khác](#)

[23.19 Điều 141. Tội hiếp dâm](#)

[23.20 Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi](#)

[23.21 Điều 143. Tội cưỡng dâm](#)

[23.22 Điều 144. Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi](#)

[23.23 Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi](#)

[23.24 Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi](#)

[23.25 Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm](#)

[23.26 Điều 148. Tội lây truyền HIV cho người khác](#)

[23.27 Điều 149. Tội cố ý truyền HIV cho người khác](#)

[23.28 Điều 150. Tội mua bán người](#)

[23.29 Điều 151. Tội mua bán người dưới 16 tuổi](#)

[23.30 Điều 152. Tội đánh tráo người dưới 01 tuổi](#)

[23.31 Điều 153. Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi](#)

[23.32 Điều 154. Tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người](#)

[23.33 Điều 155. Tội làm nhục người khác](#)

[23.34 Điều 156. Tội vu khống](#)

## [24 Chương XV. CÁC TỘI XÂM PHẠM QUYỀN TỰ DO CỦA CON NGƯỜI, QUYỀN TỰ DO, DÂN CHỦ CỦA CÔNG DÂN](#)

[24.1 Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật](#)

[24.2 Điều 158. Tội xâm phạm chỗ ở của người khác](#)

[24.3 Điều 159. Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác](#)

[24.4 Điều 160. Tội xâm phạm quyền của công dân về bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân](#)

[24.5 Điều 161. Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân](#)

[24.6 Điều 162. Tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật](#)

[24.7 Điều 163. Tội xâm phạm quyền hội họp, lập hội của công dân](#)

[24.8 Điều 164. Tội xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của người khác](#)

[24.9 Điều 165. Tội xâm phạm quyền bình đẳng giới](#)

[24.10 Điều 166. Tội xâm phạm quyền khiếu nại, tố cáo](#)

[24.11 Điều 167. Tội xâm phạm quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, quyền biểu tình của công dân](#)

## [25. Chương XVI. CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU](#)

[1.1 Điều 168. Tội cướp tài sản](#)

[1.2 Điều 169. Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản](#)

[1.3 Điều 170. Tội cưỡng đoạt tài sản](#)

[1.4 Điều 171. Tội cướp giết tài sản](#)

[1.5 Điều 172. Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản](#)

1.6 Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1.7 Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1.8 Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

1.9 Điều 176. Tội chiếm giữ trái phép tài sản

1.10 Điều 177. Tội sử dụng trái phép tài sản

1.11 Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

1.12 Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

1.13 Điều 180. Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản

## **2 Chương XVII. CÁC TỘI XÂM PHẠM CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

2.1 Điều 181. Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện

2.2 Điều 182. Tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng

2.3 Điều 183. Tội tổ chức tảo hôn

2.4 Điều 184. Tội loạn luân

2.5 Điều 185. Tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng mình

2.6 Điều 186. Tội từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng

2.7 Điều 187. Tội tổ chức mang thai hộ vì mục đích thương mại

## **3 Chương XVIII. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ**

### **4 Mục 1. CÁC TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH, THƯƠNG MẠI**

4.1 Điều 188. Tội buôn lậu

4.2 Điều 189. Tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới

4.3 Điều 190. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm

4.4 Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm

4.5 Điều 192. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả

4.6 Điều 193. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm

4.7 Điều 194. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh

4.8 Điều 195. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi

4.9 Điều 196. Tội đầu cơ

4.10 Điều 197. Tội quảng cáo gian dối

4.11 Điều 198. Tội lừa dối khách hàng

4.12 Điều 199. Tội vi phạm các quy định về cung ứng điện

### **5 Mục 2. CÁC TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC THUẾ, TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG, CHỨNG KHOÁN, BẢO HIỂM**

5.1 Điều 200. Tội trốn thuế

5.2 Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

5.3 Điều 202. Tội làm, buôn bán tem giả, vé giả

5.4 Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước

5.5 Điều 204. Tội vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước

5.6 Điều 205. Tội lập quỹ trái phép

5.7 Điều 206. Tội vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

5.10 Điều 207. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả

5.12 Điều 208. Tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyên nhượng giả hoặc các giấy tờ có giá giả khác

5.13 Điều 209. Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán

5.14 Điều 210. Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán

5.15 Điều 211. Tội thao túng thị trường chứng khoán

5.16 Điều 212. Tội làm giả tài liệu trong hồ sơ chào bán, niêm yết chứng khoán

5.17 Điều 213. Tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm

5.18 Điều 214. Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

5.19 Điều 215. Tội gian lận bảo hiểm y tế

5.20 Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động

### **6 Mục 3. CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ**

6.1 Điều 217. Tội vi phạm quy định về cạnh tranh

6.2 Điều 218. Tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản

[6.3 Điều 219. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí](#)

[6.4 Điều 220. Tội vi phạm qui định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[6.5 Điều 221. Tội vi phạm quy định của Nhà nước về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[6.6 Điều 222. Tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[6.7 Điều 223. Tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[6.8 Điều 224. Tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[6.9 Điều 225. Tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan](#)

[6.10 Điều 226. Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp](#)

[6.11 Điều 227. Tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên](#)

[6.12 Điều 228. Tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai](#)

[6.13 Điều 229. Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai](#)

[6.14 Điều 230. Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất](#)

[6.15 Điều 231. Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ](#)

[6.16 Điều 232. Tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản](#)

[6.17 Điều 233. Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng](#)

[6.18 Điều 234. Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã](#)

## **7 Chương XIX. CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG**

[7.1 Điều 235. Tội gây ô nhiễm môi trường](#)

[7.2 Điều 236. Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại](#)

[7.3 Điều 237. Tội vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường](#)

[7.4 Điều 238. Tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông](#)

[7.5 Điều 239. Tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam](#)

[7.6 Điều 240. Tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho người](#)

[7.7 Điều 241. Tội làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho động vật, thực vật](#)

[7.8 Điều 242. Tội huỷ hoại nguồn lợi thủy sản](#)

[7.9 Điều 243. Tội huỷ hoại rừng](#)

[7.10 Điều 244. Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm](#)

[7.11 Điều 245. Tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên](#)

[7.12 Điều 246. Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại](#)

## **1 Chương XX. CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY**

[1.1 Điều 247. Tội trồng cây thuốc phiện, cây côca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy](#)

[1.2 Điều 248. Tội sản xuất trái phép chất ma túy](#)

[1.3 Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy](#)

[1.4 Điều 250. Tội vận chuyển trái phép chất ma túy](#)

[1.5 Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy](#)

[1.6 Điều 252. Tội chiếm đoạt chất ma túy](#)

[1.7 Điều 253. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy](#)

[1.8 Điều 254. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy](#)

[1.9 Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy](#)

[1.10 Điều 256. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy](#)

[1.11 Điều 257. Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy](#)

[1.12 Điều 258. Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy](#)

[1.13 Điều 259. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần](#)

## **2 Chương XXI. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG, TRẬT TỰ CÔNG CỘNG**

### **3 Mục 1. CÁC TỘI XÂM PHẠM AN TOÀN GIAO THÔNG**

[3.1 Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ](#)

[3.2 Điều 261. Tội cản trở giao thông đường bộ](#)

[3.3 Điều 262. Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, xe máy chuyên dùng không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật tham gia giao thông](#)

[3.4 Điều 263. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ](#)

[3.5 Điều 264. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện tham gia giao thông đường bộ](#)

[3.6 Điều 265. Tội tổ chức đua xe trái phép](#)

[3.7 Điều 266. Tội đua xe trái phép](#)

[3.8 Điều 267. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường sắt](#)

[3.9 Điều 268. Tội cản trở giao thông đường sắt](#)

[3.10 Điều 269. Tội đưa vào sử dụng các phương tiện, thiết bị giao thông đường sắt không bảo đảm an toàn](#)

[3.11 Điều 270. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt](#)

[3.12 Điều 271. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường sắt](#)

[3.13 Điều 272. Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy](#)

[3.14 Điều 273. Tội cản trở giao thông đường thủy](#)

[3.15 Điều 274. Tội đưa vào sử dụng các phương tiện giao thông đường thủy không bảo đảm an toàn](#)

[3.16 Điều 275. Tội điều động người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy](#)

[3.17 Điều 276. Tội giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường thủy](#)

[3.18 Điều 277. Tội vi phạm quy định điều khiển tàu bay](#)

[3.19 Điều 278. Tội cản trở giao thông đường không](#)

[3.20 Điều 279. Tội đưa vào sử dụng phương tiện giao thông đường không không bảo đảm an toàn](#)

[3.21 Điều 280. Tội điều động hoặc giao cho người không đủ điều kiện điều khiển các phương tiện giao thông đường không](#)

[3.22 Điều 281. Tội vi phạm quy định về duy tu, sửa chữa, quản lý các công trình giao thông](#)

[3.23 Điều 282. Tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy](#)

[3.24 Điều 283. Tội điều khiển tàu bay vi phạm các quy định về hàng không của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam](#)

[3.25 Điều 284. Tội điều khiển phương tiện hàng hải vi phạm các quy định về hàng hải của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam](#)

## **4 Mục 2. TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, MẠNG VIỄN THÔNG**

[4.1 Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật](#)

[4.2 Điều 286. Tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử](#)

[4.3 Điều 287. Tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử](#)

[4.4 Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông](#)

[4.5 Điều 289. Tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác](#)

[4.6 Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản](#)

[4.7 Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng](#)

[4.8 Điều 292. Tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông](#)

[4.9 Điều 293. Tội sử dụng trái phép tần số vô tuyến điện dành riêng cho mục đích cấp cứu, an toàn, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, quốc phòng, an ninh](#)

[4.10 Điều 294. Tội cố ý gây nhiễu có hại](#)

## **5 Mục 3. CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM AN TOÀN CÔNG CỘNG**

[5.1 Điều 295. Tội vi phạm quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động, về an toàn ở những nơi đông người](#)

[5.2 Điều 296. Tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi](#)

[5.3 Điều 297. Tội cưỡng bức lao động](#)

[5.4 Điều 298. Tội vi phạm quy định về xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[5.5 Điều 299. Tội khủng bố](#)

[5.6 Điều 300. Tội tài trợ khủng bố](#)

[5.7 Điều 301. Tội bắt cóc con tin](#)

[5.8 Điều 302. Tội cướp biển](#)

[5.9 Điều 303. Tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia](#)

[5.10 Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự](#)

[5.11 Điều 305. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ](#)

[5.12 Điều 306. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ và các vũ khí khác có tính năng tác dụng tương tự](#)

[5.13 Điều 307. Tội vi phạm quy định về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ](#)

[5.14 Điều 308. Tội thiếu trách nhiệm trong việc giữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[5.15 Điều 309. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân](#)

[5.16 Điều 310. Tội vi phạm quy định về quản lý chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân](#)

[5.17 Điều 311. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc](#)

[5.18 Điều 312. Tội vi phạm quy định về quản lý chất cháy, chất độc](#)

[5.19 Điều 313. Tội vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy](#)

[5.20 Điều 314. Tội vi phạm quy định về an toàn vận hành công trình điện](#)

[5.21 Điều 315. Tội vi phạm quy định về khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, pha chế thuốc, cấp phát thuốc, bán thuốc hoặc dịch vụ y tế khác](#)

[5.22 Điều 316. Tội phá thai trái phép](#)

[5.23 Điều 317. Tội vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm](#)

## **6 Mục 4. CÁC TỘI PHẠM KHÁC XÂM PHẠM TRẬT TỰ CÔNG CỘNG**

[6.1 Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng](#)

[6.2 Điều 319. Tội xâm phạm thi thể, mồ mã, hài cốt](#)

[6.3 Điều 320. Tội hành nghề mê tín, dị đoan](#)

[6.4 Điều 321. Tội đánh bạc](#)

[6.5 Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc](#)

[6.6 Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có](#)

[6.7 Điều 324. Tội rửa tiền](#)

[6.8 Điều 325. Tội dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người dưới 18 tuổi phạm pháp](#)

[6.9 Điều 326. Tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy](#)

[6.10 Điều 327. Tội chứa mai dâm](#)

[6.11 Điều 328. Tội môi giới mai dâm](#)

[6.12 Điều 329. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi](#)

## **1 Chương XXII. CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH**

[1.1 Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ](#)

[1.2 Điều 331. Tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân](#)

[1.3 Điều 332. Tội trốn tránh nghĩa vụ quân sự](#)

[1.4 Điều 333. Tội không chấp hành lệnh gọi quân nhân dự bị nhập ngũ](#)

[1.5 Điều 334. Tội làm trái quy định về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự](#)

[1.6 Điều 335. Tội cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự](#)

[1.7 Điều 336. Tội đăng ký hộ tịch trái pháp luật](#)

[1.8 Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước](#)

[1.9 Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội làm mất vật, tài liệu bí mật nhà nước](#)

[1.10 Điều 339. Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, vị trí công tác](#)

[1.11 Điều 340. Tội sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức](#)

[1.12 Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức](#)

[1.13 Điều 342. Tội chiếm đoạt, mua bán, tiêu hủy con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức](#)

[1.14 Điều 343. Tội vi phạm các quy định về quản lý nhà ở](#)

[1.15 Điều 344. Tội vi phạm các quy định về hoạt động xuất bản](#)

[1.16 Điều 345. Tội vi phạm các quy định về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam, thắng cảnh gây hậu quả nghiêm trọng](#)

[1.17 Điều 346. Tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới](#)

[1.18 Điều 347. Tội vi phạm quy định về xuất cảnh, nhập cảnh; tội ở lại Việt Nam trái phép](#)

[1.19 Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép](#)

[1.20 Điều 349. Tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép](#)

[1.21 Điều 350. Tội cưỡng ép người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép](#)

[1.22 Điều 351. Tội xúc phạm Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca](#)

## **2 Chương XXIII. CÁC TỘI PHẠM VỀ CHỨC VỤ**



2.1 Điều 352. Khái niệm tội phạm về chức vụ

### **3 Mục 1. CÁC TỘI PHẠM THAM NHƯNG**

3.1 Điều 353. Tội tham ô tài sản

3.2 Điều 354. Tội nhận hối lộ

3.3 Điều 355. Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản

3.4 Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

3.5 Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ

3.6 Điều 358. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi

3.7 Điều 359. Tội giả mạo trong công tác

### **4 Mục 2. CÁC TỘI PHẠM KHÁC VỀ CHỨC VỤ**

4.1 Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

4.2 Điều 361. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác

4.3 Điều 362. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác; tội làm mất tài liệu bí mật công tác

4.4 Điều 363. Tội đào nhiệm

4.5 Điều 364. Tội đưa hối lộ

4.6 Điều 365. Tội môi giới hối lộ

4.7 Điều 366. Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi

### **5 Chương XXIV. CÁC TỘI XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP**

5.1 Điều 367. Khái niệm tội xâm phạm hoạt động tư pháp

5.2 Điều 368. Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội

5.3 Điều 369. Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội

5.4 Điều 370. Tội ra bản án trái pháp luật

5.5 Điều 371. Tội ra quyết định trái pháp luật

5.6 Điều 372. Tội ép buộc người có thẩm quyền trong hoạt động tư pháp làm trái pháp luật

5.7 Điều 373. Tội dùng nhục hình

5.8 Điều 374. Tội bức cung

5.9 Điều 375. Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, vụ việc

5.10 Điều 376. Tội thiếu trách nhiệm để người bị bắt, người bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù trốn

5.11 Điều 377. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật

5.12 Điều 378. Tội tha trái pháp luật người bị bắt, người đang bị tạm giữ, tạm giam, người đang chấp hành án phạt tù

5.13 Điều 379. Tội không thi hành án

5.14 Điều 380. Tội không chấp hành án

5.15 Điều 381. Tội cản trở việc thi hành án

5.16 Điều 382. Tội cung cấp tài liệu sai sự thật hoặc khai báo gian dối

5.17 Điều 383. Tội từ chối khai báo, từ chối kết luận giám định, định giá tài sản hoặc từ chối cung cấp tài liệu

5.18 Điều 384. Tội mua chuộc hoặc cưỡng ép người khác trong việc khai báo, cung cấp tài liệu

5.19 Điều 385. Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản

5.20 Điều 386. Tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, đang bị xét xử

5.21 Điều 387. Tội đánh tháo người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, người đang bị áp giải, xét xử, chấp hành án phạt tù

5.22 Điều 388. Tội vi phạm quy định về giam giữ

5.23 Điều 389. Tội che giấu tội phạm

5.24 Điều 390. Tội không tố giác tội phạm

5.25 Điều 391. Tội gây rối trật tự phiên tòa

### **6 Chương XXV. CÁC TỘI XÂM PHẠM NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA QUÂN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHỐI THUỘC VỚI QUÂN ĐỘI TRONG CHIẾN ĐẤU, PHỤC VỤ CHIẾN ĐẤU**

6.1 Điều 392. Những người phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân

6.2 Điều 393. Tội ra mệnh lệnh trái pháp luật

6.3 Điều 394. Tội chống mệnh lệnh

6.4 Điều 395. Tội chấp hành không nghiêm chỉnh mệnh lệnh

6.5 Điều 396. Tội cản trở đồng đội thực hiện nhiệm vụ

6.6 Điều 397. Tội làm nhục đồng đội



[6.7 Điều 398. Tội hành hung đồng đội](#)

[6.8 Điều 399. Tội đầu hàng địch](#)

[6.9 Điều 400. Tội khai báo hoặc tự nguyện làm việc cho địch khi bị bắt làm tù binh](#)

[6.10 Điều 401. Tội bỏ vị trí chiến đấu hoặc không làm nhiệm vụ trong chiến đấu](#)

[6.11 Điều 402. Tội đào ngũ](#)

[6.12 Điều 404. Tội cố ý làm lộ bí mật công tác quân sự](#)

[6.13 Điều 405. Tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật công tác quân sự](#)

[6.14 Điều 406. Tội vô ý làm lộ bí mật công tác quân sự](#)

[6.15 Điều 407. Tội làm mất tài liệu bí mật công tác quân sự](#)

[6.16 Điều 408. Tội báo cáo sai](#)

[6.17 Điều 409. Tội vi phạm quy định về trực ban, trực chiến, trực chỉ huy](#)

[6.18 Điều 411. Tội vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn trong chiến đấu hoặc trong huấn luyện](#)

[6.19 Điều 412. Tội vi phạm quy định về sử dụng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự](#)

[6.20 Điều 413. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật quân sự](#)

[6.21 Điều 414. Tội làm mất hoặc vô ý làm hư hỏng vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự](#)

[6.22 Điều 415. Tội quấy nhiễu nhân dân](#)

[6.23 Điều 416. Tội lạm dụng nhu cầu quân sự trong khi thực hiện nhiệm vụ](#)

[6.24 Điều 417. Tội cố ý bỏ thương binh, tử sỹ hoặc không chăm sóc, cứu chữa thương binh](#)

[6.25 Điều 418. Tội chiếm đoạt hoặc hủy hoại di vật của tử sỹ](#)

[6.26 Điều 420. Tội ngược đãi tù binh, hàng binh](#)

## **7 Chương XXVI. CÁC TỘI PHÁ HOẠI HÒA BÌNH, CHỐNG LOÀI NGƯỜI VÀ TỘI PHẠM CHIẾN TRANH**

[7.1 Điều 421. Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược](#)

[7.2 Điều 422. Tội chống loài người](#)

[7.3 Điều 423. Tội phạm chiến tranh](#)

[7.4 Điều 424. Tội tuyển mộ, huấn luyện hoặc sử dụng lính đánh thuê](#)

[7.5 Điều 425. Tội làm lính đánh thuê](#)

## **8 Phần thứ ba. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

[8.1 Điều 426. Hiều lực thi hành](#)



LUẬT BÌNH DƯƠNG GROUP